

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy trình liên thông thủ tục hành chính thẩm định báo cáo
đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép nhận chìm ở biển và
giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2024;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình liên thông thủ tục hành chính thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục trưởng Cục Môi trường, Thủ trưởng các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- UBND tỉnh, TP trực thuộc trung ương có biển;
- Sở NNMT tỉnh, TP trực thuộc trung ương có biển;
- Lưu: VT, MT, BHDVN, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

**Quy trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép
nhận chìm ở biển và giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Bộ Nông
nghiệp và Môi trường**

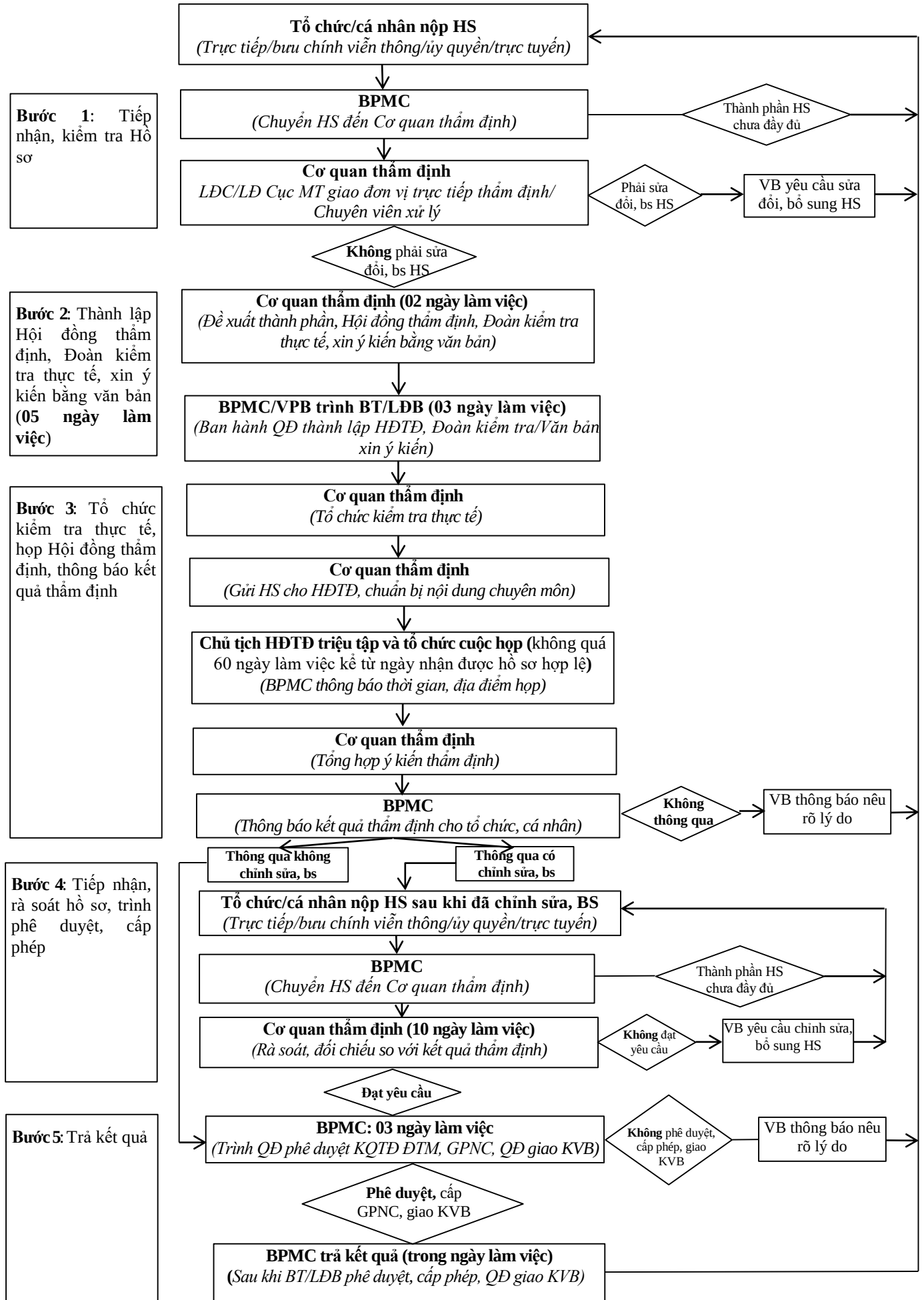
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG QUY TRÌNH

STT	Cụm từ	Viết tắt
1	Bộ trưởng/Thứ trưởng	BT/TTr
2	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Nông nghiệp và Môi trường	BPMC
3	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Cục BHDVN
4	Văn phòng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Văn phòng Cục
5	Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	LĐC
6	Cục Môi trường/Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Cơ quan thẩm định
7	Đơn vị cấp phòng trực thuộc Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Đơn vị trực tiếp thẩm định
8	Cục Môi trường	Cục MT
9	Lãnh đạo Cục Môi trường	LĐ Cục MT
10	Thẩm định	TĐ
11	Nông nghiệp và Môi trường	NNMT
12	Hồ sơ	HS
13	Bổ sung	BS
14	Tổ chức/cá nhân	TC/CN
15	Báo cáo đánh giá tác động môi trường	ĐTM
16	Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Quyết định phê duyệt KQTD ĐTM

17	Giấy phép nhận chìm ở biển	GPNC
18	Quyết định giao khu vực biển	QĐ Giao KVB
19	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Phí thẩm định
20	Văn bản	VB
21	Chủ tịch Hội đồng thẩm định	Chủ tịch HĐTD
22	Hồ sơ công việc	HSCV
23	Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	VPB
24	Liên thông thủ tục hành chính	TTHC
25	Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, giấy phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển sử dụng để nhận chìm	Hồ sơ
26	Đoàn kiểm tra thực tế	Đoàn kiểm tra

I. Sơ đồ quy trình thẩm định ĐTM, cấp GPNC, giao KVB sử dụng để NC



II. Đối tượng thực hiện

Đối tượng thực hiện là các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển sử dụng để nhận chìm và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trừ những dự án đầu tư được phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 26a Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP nêu trên.

III. Mô tả công việc

Thời gian tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép nhận chìm ở biển, đề nghị giao khu vực biển để nhận chìm là thời gian tối đa thực hiện, cụ thể như sau:

1. Bước 1. Tiếp nhận, kiểm tra, chuyển Hồ sơ: không quy định.

BPMC tiếp nhận hồ sơ từ tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện liên thông TTHC đề nghị thẩm định báo cáo ĐTM, cấp GPNC, giao KVB theo quy định và chuyển hồ sơ về ĐTM về Cục Môi trường; Hồ sơ đề nghị cấp GPNC, giao KVB về Cục Biển và Hải đảo Việt Nam để tổ chức thẩm định.

a) Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm: BPMC, Cục MT, Cục BHĐVN.

b) Mô tả công việc:

BPMC Bộ tiếp nhận hồ sơ trực tiếp của tổ chức/cá nhân hoặc thông qua dịch vụ bưu chính viễn thông hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định tại Phụ lục I Quyết định này; trường hợp không đủ thành phần, số lượng thì không tiếp nhận;

Ngay trong ngày tiếp nhận hoặc buổi sáng ngày làm việc hôm sau (trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 16 giờ): BPMC chuyển hồ sơ đề nghị thẩm định ĐTM về Cục MT; Hồ sơ đề nghị cấp GPNC, giao KVB về Cục BHĐVN để kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, Cục MT, Cục BHĐVN phải thông báo bằng văn bản về BPMC kết quả kiểm tra hồ sơ.

Trường hợp không phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, LDC giao đơn vị trực tiếp thẩm định.

Trường hợp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Cục MT, Cục BHĐVN gửi văn bản đến BPMC để ban hành văn bản thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ. BPMC ký văn bản thông báo ngay trong ngày làm việc hoặc sáng ngày làm việc hôm sau nếu nhận sau 16 giờ.

c) Kết quả sản phẩm:

- Hồ sơ được chuyển đầy đủ theo hình thức trực tiếp hoặc trên dịch vụ công trực tuyến hoặc HSCV từ BPMC đến Cục MT và Cục BHĐVN để tổ chức thẩm định theo quy định.

- Hồ sơ được giao đến chuyên viên xử lý.

- Văn bản gửi về BPMC kết quả kiểm tra hồ sơ (Trường hợp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ)

2. Bước 2: Thành lập Hội đồng thẩm định, Đoàn kiểm tra thực tế, xin ý kiến bằng văn bản: 05 ngày làm việc

a) Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm: BPMC, Cục MT, Cục BHĐVN, LDB.

b) Mô tả công việc:

1. Thành lập Hội đồng thẩm định và Đoàn kiểm tra thực tế

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục MT, Cục BHĐVN có văn bản đề xuất thành phần Hội đồng thẩm định và thành phần Đoàn kiểm tra thực tế (nếu cần thiết) gửi về BPMC.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất thành phần Hội đồng thẩm định và Đoàn kiểm tra thực tế, BPMC có trách nhiệm tổng hợp, trình Bộ trưởng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và Đoàn kiểm tra thực tế. Mẫu Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Đoàn kiểm tra thực tế được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy trình này.

2. Xin ý kiến của các cơ quan liên quan

- Cơ quan thẩm định hồ sơ trình LDB xem xét, ban hành văn bản xin ý kiến của các cơ quan liên quan (trường hợp cần thiết);

- Cơ quan thẩm định hồ sơ ban hành văn bản xin ý kiến các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường có liên quan (trường hợp cần thiết).

c) Kết quả sản phẩm:

- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và Đoàn kiểm tra thực tế được Bộ trưởng phê duyệt.

- Văn bản xin ý kiến của các cơ quan liên quan được LDB ký ban hành, Lãnh đạo cơ quan thẩm định ký ban hành.

3. Bước 3. Tổ chức kiểm tra thực tế, Họp Hội đồng thẩm định, thông báo kết quả thẩm định

a) Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm: Chủ tịch HĐTĐ, Thư ký HĐTĐ, BPMC, Cục MT, Cục BHĐVN.

b) Mô tả công việc:

- Cơ quan thẩm định tổ chức kiểm tra thực tế và tổng hợp ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi họp HĐTĐ.

- Trong thời hạn không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Hội đồng triệu tập họp HĐTĐ và thông báo kết quả thẩm định.

- Cục MT trình ban hành văn bản thông báo nộp phí thẩm định ĐTM và xác nhận tổ chức, cá nhân hoàn thành nghĩa vụ nộp phí thẩm định trước khi tổ chức họp HĐTĐ.

- BPMC thông báo thời gian, địa điểm họp HĐTĐ.

- Cơ quan thẩm định gửi hồ sơ cho các thành viên HĐTĐ; nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị nội dung chuyên môn phục vụ HĐTĐ; trao đổi, thống nhất về các vấn đề đưa ra xin ý kiến HĐTĐ.

- Thư ký HĐTĐ tổng hợp thành Biên bản họp theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy trình này.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc họp HĐTĐ, Cơ quan thẩm định gửi kết quả thẩm định về BPMC.

- BPMC thông báo kết quả thẩm định cho tổ chức, cá nhân ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất trong buổi sáng ngày làm việc hôm sau (trước 12 giờ).

Trường hợp hồ sơ được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung, hồ sơ được chuyển sang thực hiện mục cuối của Bước 4: Cơ quan thẩm định dự thảo và trình Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM, GPNC, Quyết định giao KVB.

Trường hợp hồ sơ không được thông qua, BPMC thông báo kết quả thẩm định để tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ để thực hiện từ Bước 1.

Trường hợp hồ sơ thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, BPMC thông báo kết quả thẩm định để tổ chức, cá nhân tiếp thu, chỉnh sửa. Sau khi chỉnh sửa, hồ sơ được thực hiện sang Bước 4.

c) Kết quả sản phẩm:

- Biên bản kiểm tra thực tế, Biên bản họp HĐTĐ;
- Văn bản thông báo nộp phí thẩm định ĐTM;
- Văn bản thông báo kết quả thẩm định.

4. Bước 4. Tiếp nhận, rà soát hồ sơ và trình phê duyệt, cấp phép

a) Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm: BT, TTr, BPMC, Cục MT, Cục BHĐVN.

b) Mô tả công việc:

- BPMC tiếp nhận hồ sơ do tổ chức, cá nhân nộp về sau khi đã chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện;

- BPMC chuyển hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM đến Cục MT; Hồ sơ đề nghị cấp GPNC, giao KVB đến Cục BHĐVN;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận, Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm rà soát, đối chiếu hồ sơ so với kết quả thẩm định;

- Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, Cơ quan thẩm định hồ sơ chuyển văn bản đến BPMC để thông báo cho tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung.

- Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, Cơ quan thẩm định hồ sơ dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM, GPNC, Quyết định giao KVB và trình qua BPMC;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đạt yêu cầu, BPMC có trách nhiệm trình Bộ trưởng đồng thời 03 hồ sơ để xem xét, quyết định.

c) Kết quả sản phẩm:

- Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân kết quả họp Hội đồng thẩm định, các ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Hồ sơ được chỉnh sửa, bổ sung (trong trường hợp phải chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định và các ý kiến khác);

- Dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM, GPNC, Quyết định giao KVB;

5. Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

a) Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm: BT, TTr, BPMC, Cục MT, Cục BHĐVN.

b) Mô tả công việc:

- Trường hợp BT, TTr không phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM hoặc không cấp GPNC hoặc không giao KVB thì BPMC thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

- Ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất trong buổi sáng ngày làm việc hôm sau kể từ ngày BT/TTr ký Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM, GPNC, Quyết định giao KVB, BPMC trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.

c) Kết quả sản phẩm:

- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM, GPNC, Quyết định giao KVB.

Phụ lục I. Hồ sơ liên thông TTHC đề nghị thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM; thủ tục cấp GPNC và thủ tục giao KVB

1. Phiếu đăng ký thực hiện theo quy trình liên thông giải quyết thủ tục hành chính.

2. Hồ sơ thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:

- Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT- BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2025/TT- BTNMT);

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc tài liệu tương đương.

3. Hồ sơ cấp giấy phép nhận chìm ở biển (01 bộ):

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển theo Mẫu số 04 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016;

- Dự án nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 03 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016;

- Bản đồ khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 05 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025).

Phụ lục II. Mẫu Quyết định thành lập HĐTD, Đoàn kiểm tra thực tế

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BNNMT

(Địa danh), ngày..... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định, Đoàn kiểm tra(1)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày... tháng...năm... của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ (2)...;

Xét Văn bản của (3) về việc đề nghị giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của... (4),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định (1) gồm các Ông (Bà) có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Học hàm, Học vị	Nơi công tác	Chức danh
1	...	...	...	Chủ tịch
2	...	...	...	Phó Chủ tịch
3	...	...	...	Phó Chủ tịch
4	...	...	...	Ủy viên Thư ký
5	...	...	...	Ủy viên phản biện
6	...	...	...	Ủy viên phản biện
7	...	...	...	Ủy viên
...				

Điều 2. Thành lập Đoàn kiểm tra thực tế phục vụ thẩm định (1) gồm các Ông (Bà) có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Học hàm, Học vị	Nơi công tác	Chức danh
1	...	...	...	Trưởng đoàn
2	...	...	...	Phó Trưởng đoàn
3	...	...	...	Ủy viên thư ký
4	...	...	...	Ủy viên
...	...	...	...	

Điều 3. Hội đồng thẩm định, Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ thẩm định, kiểm tra thực tế (nếu có) và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, kiểm tra; gửi kết quả cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Hội đồng thẩm định, Đoàn kiểm tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Chi phí cho hoạt động của Hội đồng, Đoàn kiểm tra được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

(3) và các thành viên hội đồng, đoàn kiểm tra có tên tại Điều 1 và Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ dự án;
- ...
- Lưu:...

Ghi chú:

- (1) Tên thủ tục hành chính.
- (2) Căn cứ văn bản quy phạm pháp luật quy định về thủ tục hành chính
- (3) Chủ dự án.
- (4) Đơn vị được giao thẩm định hồ sơ thủ tục hành chính.

Phụ lục III. Mẫu biên bản họp HĐTD, Đoàn kiểm tra thực tế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN PHIÊN HỌP CHÍNH THỨC
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH (1)**

Tên dự án:

Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số... ngày... tháng... năm... của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Thời gian họp: ngày... tháng... năm

Địa chỉ nơi họp:

1. Thành phần tham dự phiên họp:

1.1. Hội đồng thẩm định:

- Thành viên có mặt: *chỉ nêu số lượng thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên trong quyết định thành lập Hội đồng, (ví dụ 7/9).*

- Thành viên vắng mặt: *ghi số lượng kèm theo họ tên, chức danh trong hội đồng của các thành viên vắng mặt, lý do vắng mặt; trường hợp ủy quyền tham dự họp, nêu đầy đủ tên của văn bản ủy quyền.*

1.2. Chủ dự án: *ghi rõ họ, tên, chức vụ tất cả các đại diện của chủ dự án tham dự họp; trường hợp ủy quyền tham dự họp, nêu đầy đủ tên của văn bản ủy quyền.*

1.3. Đơn vị tư vấn: *ghi rõ họ tên, học vị và chức vụ của đại diện đơn vị tư vấn tham dự họp.*

1.4. Đại biểu tham dự (nếu có):

2. Nội dung và diễn biến phiên họp: *Yêu cầu ghi theo trình tự diễn biến của phiên họp hội đồng, ghi đầy đủ, trung thực các câu hỏi, trả lời, các ý kiến trao đổi, thảo luận của các bên tham gia phiên họp hội đồng thẩm định.*

2.1. Ủy viên Thư ký thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự; giới thiệu người chủ trì phiên họp (Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền) điều hành phiên họp.

2.2. Chủ dự án và đơn vị tư vấn trình bày nội dung báo cáo: *ghi những nội dung chính được chủ dự án và đơn vị tư vấn trình bày, đặc biệt chú trọng vào các nội dung trình bày khác so với hồ sơ đề nghị thực hiện liên thông thủ tục hành chính.*

2.3. Thảo luận, trao đổi giữa thành viên hội đồng với chủ dự án và đơn vị tư vấn về nội dung dự án và nội dung của hồ sơ đề nghị thực hiện liên thông thủ tục hành chính: *ghi chi tiết và đầy đủ các nội dung trao đổi.*

2.4. Ý kiến nhận xét về báo cáo của các thành viên hội đồng:

2.5. Ý kiến của các đại biểu tham dự (nếu có):

2.6. Ý kiến phản hồi của chủ dự án:

3. Kết luận phiên họp

3.1. Người chủ trì phiên họp công bố kết luận của hội đồng thẩm định: *được tổng hợp trên cơ sở ý kiến của các thành viên hội đồng thẩm định, trong đó tóm tắt ngắn gọn những ưu điểm nổi trội, những nội dung đạt yêu cầu của báo cáo, đề án; những nội dung cần phải được chỉnh sửa, bổ sung.*

3.2. Ý kiến khác của các thành viên hội đồng thẩm định (nếu có):

3.3. Ý kiến của chủ dự án về kết luận của hội đồng:

4. Kết quả kiểm phiếu thẩm định:

4.1. Số phiếu thông qua báo cáo không cần chỉnh sửa, bổ sung:

4.2. Số phiếu thông qua báo cáo với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:

4.3. Số phiếu không thông qua báo cáo:

5. Người chủ trì phiên họp tuyên bố kết thúc phiên họp

NGƯỜI CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

(Ghi rõ là Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch hội đồng khi được Chủ tịch hội đồng ủy quyền) (Ký, ghi họ tên)

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Chủ trì phiên họp và Thư ký Hội đồng ký phía dưới của từng trang biên bản (trừ trang cuối).

- (1) tên thủ tục hành chính

Phụ lục IV. Mẫu bản biên bản kiểm tra thực tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA (1)

của dự án... (2)...

Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số... ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã tiến hành kiểm tra phục vụ thẩm định, phê duyệt/cấp phép của dự án (2):

- Thời gian kiểm tra: từ... giờ... ngày... tháng... năm... đến... giờ... ngày... tháng... năm...

- Đối tượng kiểm tra: dự án (2)

- Địa điểm kiểm tra: *ghi rõ địa điểm thực hiện việc kiểm tra*

- Thành phần Đoàn kiểm tra:

+ Thành viên có mặt: *chỉ cần ghi số lượng thành viên có mặt trên tổng số thành viên trong quyết định thành lập Đoàn, ví dụ: 1/9*

+ Thành viên vắng mặt: *ghi đầy đủ số lượng, họ tên và chức danh trong Đoàn kiểm tra của các thành viên vắng mặt, lý do vắng mặt*

- Đại diện chủ dự án: *ghi đầy đủ họ, tên, chức vụ của đại diện có thẩm quyền của chủ dự án*

- Với sự tham gia của: *ghi đầy đủ họ, tên, chức vụ, đơn vị công tác của những người có mặt, nếu có*

Sau khi kiểm tra, các bên liên quan thống nhất như sau:

I. Kết quả kiểm tra (theo quy định pháp luật)

II. Ý kiến của Đoàn kiểm tra

Chỉ ghi những tồn tại liên quan đến nội dung kiểm tra cần được tiếp tục thực hiện để đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan.

III. Ý kiến của chủ dự án (*chỉ ghi các ý kiến của chủ dự án khác với nội dung kết luận của Đoàn kiểm tra nêu lại mục I, II*).

Biên bản được hoàn thành vào hồi... giờ... ngày... tháng... năm... tại... và đã đọc kỹ cho những người tham dự cùng nghe./.

Đại diện chủ dự án
(Ký, ghi họ tên, chức vụ)

Thư ký đoàn kiểm tra
(Ký, ghi họ tên)

Trưởng đoàn kiểm tra
(hoặc Phó Trưởng đoàn
trưởng hợp được ủy
quyền)
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Những người ký tại trang cuối cùng của biên bản phải ký vào phía dưới của từng trang biên bản trong trường hợp biên bản nhiều hơn một (01) trang. (*) Tên đầy đủ, chính xác của dự án.

- (1) tên thủ tục hành chính

- (2) tên chủ dự án